

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÂY TRỒNG DƯỢC LIỆU QUA KHẢO SÁT TẠI MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

Lê Quang Đức

Công đoàn Y tế Việt Nam

Email: lequangduc66@gmail.com

Ngày nhận: 20/5/2016

Ngày nhận bản sửa: 10/6/2016

Ngày duyệt đăng: 25/6/2016

Tóm tắt:

Bài viết trình bày một cách khái quát tác động của một số chính sách mà Nhà nước đã ban hành đến sự phát triển cây trồng dược liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, chính sách của Nhà nước đã ban hành có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của việc trồng cây dược liệu của các địa phương nói riêng cũng như của cả nước nói chung. Tuy nhiên, các chính sách này cũng còn nhiều hạn chế. Bài viết đã chỉ ra những hạn chế và đề xuất một số hướng khắc phục về chính sách đất đai, chính sách vốn, chính sách ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chính sách thị trường sản phẩm và đặc biệt đề xuất cơ chế phối hợp “bốn nhà” trong phát triển cây trồng dược liệu.

Từ khóa: cây trồng dược liệu, vai trò nhà nước, các tỉnh phía Bắc

Policies for the development of medicinal plants in some northern provinces: Reality and recommendations

Abstract:

This article presents generally the effects of governmental policies on the development of medicinal plants. The research results show that these policies played an important role in promoting the cultivation of medicinal plants in local areas in particular, and the whole country, in general. These policies, however, had limitations which was pointed out in the article. The author then provide recommended solutions, including: better land policy, capital policy, policy of applying science and technology, and commercial policy. This article particularly proposes “quadripartite mechanism” (the government, the scientists, the enterprises, and the farmers) in order to develop medicinal plants.

Keywords: Medicinal plants, the role of government, Northern provinces

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là quốc gia có sự đa dạng của khí hậu, thổ nhưỡng nên các loại cây con có thể làm thuốc được phân bố rộng khắp trên cả nước, vùng phân bố chịu nhiều ảnh hưởng yếu tố khí hậu và đặc tính sinh trưởng phát triển của các loài cây thuốc. Tập trung nhiều nhất vẫn là nơi có địa hình núi cao, nơi tập trung nhiều quần thể rừng (khu vực miền núi phía Bắc; các tỉnh đồng bằng sông Hồng, phía tây

các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa; Các tỉnh Kon Tum, Lâm Đồng, An Giang). Trong số hơn 12.000 loài thực vật ở Việt Nam, thì có gần 4.000 loài cho công dụng làm thuốc. Trong đó có nhiều loài dược liệu quý về công dụng chữa bệnh lẫn giá trị về mặt kinh tế. Những loại cây thuốc quý này cũng tạo ra thu nhập lớn cho người trồng ở các địa phương như Lào Cai, Hưng Yên, Thái Bình, Bắc Giang... Thu nhập hàng năm của người dân từ trồng cây thuốc này ước

đạt khoảng 105 triệu VND/năm/hộ dân (Cục quản lý Dược - Bộ Y tế, 2013).

Mặc dù điều kiện tự nhiên ưu đãi cho việc phát triển nguồn dược liệu, nhưng đến nay, nguồn dược liệu của nước ta vẫn phụ thuộc vào nguồn dược liệu ở nước ngoài với khoảng hơn 80% nhu cầu cần thiết để sản xuất thuốc là nhập khẩu từ Trung Quốc và một số nước khác (Cục Y Dược cổ truyền - Bộ Y tế, 2013).

Bài viết này được thực hiện nhằm xem xét tác động của các chính sách của Nhà nước đối với sự phát triển cây trồng dược liệu của nước ta. Dữ liệu được phân tích trong nghiên cứu là những dữ liệu được thu thập thông qua quá trình khảo sát 154 hộ gia đình và 22 đơn vị trồng cây dược liệu tại hai tỉnh Hà Giang và Hưng Yên- Đây là hai tỉnh đại diện cho

hai vùng khác nhau trong quy hoạch tổng thể phát triển cây trồng dược liệu của các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu, hạn chế bài viết đưa ra một số khuyến nghị về hoàn thiện chính sách trong phát triển cây trồng dược liệu những năm tới.

2. Kết quả phát triển cây trồng dược liệu tại các tỉnh được khảo sát

Kết quả khảo sát các đơn vị/hộ gia đình trồng dược liệu tại một số địa phương về vốn, diện tích, lao động... được thể hiện cụ thể trong bảng 1.

2.1. Về sản lượng cây trồng

Sản lượng cây trồng dược liệu có xu hướng tăng dần qua các năm trong quá trình khảo sát ở các địa phương được lựa chọn, điều đó làm cho thu nhập hàng năm của các hộ gia đình có cây trồng dược liệu

Bảng 1: Kết quả phát triển cây trồng dược liệu tại các tỉnh khảo sát

	Tổng số	Tính bình quân cho 1 hộ gia đình hoặc 1 doanh nghiệp				
		2011	2012	2013	2014	2015
1. Kết quả phát triển cây trồng dược liệu của các HGD						
1.1. Tổng thu hàng năm của gia đình (Thu từ cây trồng, chưa có thu nhập khác)		45,584	50,44	52,825	54,927	57,855
1.1.1. Thu từ trồng cây dược liệu		36,812	41,229	43,438	45,278	47,855
1.1.2. Thu từ trồng cây khác		8,772	9,211	9,387	9,649	10,00
1.2. Chi phí sản xuất		10,099	11,109	12,119	12,624	11,917
1.3. Tiền lương, tiền công, thu nhập bình quân 1 lao động/tháng		7,66	7,96	8,42	8,57	8,8
2. Kết quả phát triển cây trồng dược liệu của doanh nghiệp kinh doanh buôn bán dược liệu						
2.1. Tổng thu hàng năm của doanh nghiệp						
2.1.1. Thu từ trồng cây dược liệu		129,402	132,531	154,068	135,424	147,311
2.2. Chi phí sản xuất		59,35	63,6	86,24	78,3	82,32
2.3. Thuế, phí và các khoản đóng góp khác						
2.4. Tiền lương, tiền công, thu nhập bình quân 1 lao động/tháng		8,75	9,09	9,63	9,79	10,06
3. Kết quả chung về phát triển cây trồng dược liệu từ doanh nghiệp và hộ gia đình						
3.1. Tổng thu hàng năm của gia đình và doanh nghiệp		174,986	182,971	206,893	190,351	205,166
3.1.1. Thu từ trồng cây dược liệu		166,214	173,76	197,506	180,702	195,166
3.1.2. Thu từ trồng cây khác		8,772	9,211	9,387	9,649	10,00
3.2. Chi phí sản xuất		59,449	74,709	98,359	193,326	94,237
3.3. Tiền lương, tiền công, thu nhập bình quân 1 lao động/tháng		7,796	8,101	8,57	8,723	8,96

Nguồn: Lê Quang Đức (2015)

có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2011-2015. Kết quả khảo sát cho thấy, thu nhập bình quân của các hộ gia đình năm 2011 là khoảng hơn 45 triệu VND thì đến năm 2015 con số này là hơn 57 triệu VND.

Nguyên nhân của kết quả đạt được trên đó là do năng suất cây trồng được liệu vẫn đảm bảo cho người dân, tuy nhiên thực tế cho thấy, rất nhiều cây được liệu của người dân được trồng không có khả năng tiêu thụ, hoặc tiêu thụ rất khó khăn, ví dụ như cây đỗ trọng, người dân trồng chỉ thu hoạch được khoảng 2 đến 3 năm, sau đó, do doanh nghiệp và các đơn vị thu mua không tiếp tục thu mua do không có nhu cầu hoặc các doanh nghiệp làm ăn không có lãi họ dừng các hoạt động thu mua được liệu, khi đó người dân không thể tiêu thụ được nguồn nguyên liệu này. Nếu có tiêu thụ, cũng là tiêu thụ manh mún của người dân cho những cá nhân có nhu cầu sử dụng, nhưng lượng tiêu thụ là khá hạn chế.

2.2. Về giá trị sản xuất

Cây trồng được liệu dường như có chi phí không cao so với việc trồng các cây trồng khác nên theo kết quả khảo sát của tác giả, sau khi trừ đi các chi phí sản xuất, với những người dân ở một số tỉnh được lựa chọn khảo sát, kết quả thu về hàng năm là tương đối ổn định so với diện tích được sử dụng để trồng được liệu của các hộ gia đình. Kết quả điều tra cho thấy, tổng thu hàng năm của các đơn vị điều tra có sự gia tăng trong chu kỳ nghiên cứu, nếu con số bình quân năm 2011 là 174,986 triệu VND thì có sự gia tăng cho những giai đoạn tiếp theo, con số năm 2013 đã vượt qua ngưỡng 206,893 triệu VND.

Như vậy, giá trị sản xuất của loại cây trồng được liệu khá cao, và cao hơn so với các cây trồng khác của các đơn vị được điều tra cả về năng suất và giá bán khi tiêu thụ. Tuy nhiên, với cây được liệu nó đòi hỏi kỹ thuật chăm sóc cũng như quy trình chăm sóc là tương đối nghiêm ngặt.

2.3. Về chi phí

Theo kết quả điều tra, chi phí của các đơn vị dành cho chăm sóc cây được liệu là không lớn so với tổng thu của các đơn vị, chi phí bình quân so với doanh thu của các hộ gia đình/doanh nghiệp được điều tra chiếm khoảng từ 35 đến 60% tổng doanh thu của các đơn vị này.

Có sự biến động về giá cũng như diện tích trồng của các đơn vị, chi phí chăm sóc có sự thay đổi theo thời gian, tuy nhiên biên độ giao động là không lớn

với mức chênh lệch không quá 20% trong quá trình nghiên cứu.

Các chi phí được phân bổ dành cho cây được liệu chủ yếu là chi phí phân bón, công chăm sóc của người dân.

2.4. Về thu nhập và đời sống người trồng cây được liệu

Về thu nhập của các hộ dân, người lao động bình quân tháng của các hộ/ đơn vị trồng được liệu là tương đối cao so với mặt bằng chung của thu nhập nước ta, mức thu nhập bình quân của mỗi lao động cho mỗi tháng khoảng từ 7,7 đến gần 9 triệu VND/tháng/lao động. Đây là mức thu nhập cao so với bình quân chung của toàn xã hội.

Khi so sánh thu nhập bình quân của các lao động trong hộ gia đình với thu nhập của các lao động trong các doanh nghiệp được liệu ta thấy, thu nhập của lao động trong các doanh nghiệp trồng được liệu còn cao hơn so với người lao động làm việc tại các hộ gia đình, cụ thể thu nhập bình quân/lao động/tháng của lao động tại các đơn vị/doanh nghiệp được liệu khoảng từ 8,75 đến hơn 10 triệu VND/tháng.

3. Thực trạng chính sách của Nhà nước với phát triển cây trồng được liệu

Để phát triển cây trồng được liệu, những năm qua nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản chính sách, từ chính sách đất đai, chính sách vốn, chính sách ứng dụng khoa học công nghệ, chính sách phát triển thị trường cung ứng vật tư phân bón, giống cây trồng và chính sách tiêu thụ sản phẩm. Các chính sách này đã góp phần thúc đẩy nông dân phát triển cây trồng được liệu.

Kết quả điều tra các hộ gia đình/ đơn vị trồng được liệu (ký hiệu mẫu M1) và đánh giá của các cán bộ quản lý nhà nước (ký hiệu mẫu M2) về tác động của các chính sách đến sự phát triển cây trồng được liệu cho thấy nhận xét trên (xem bảng 2).

Từ dữ liệu bảng 2 cho thấy rằng, đánh giá chung của các đơn vị trồng được liệu cũng như các cán bộ quản lý nhà nước cho thấy vai trò quan trọng của các chính sách đối với sự phát triển của trồng được liệu. Trong đó, chính sách về thị trường tiêu thụ sản phẩm của nhà nước có tác động lớn nhất đến sự phát triển cây trồng được liệu với điểm đánh giá trung bình là 4,19/5 điểm (trong đó đánh giá của người trồng được liệu là 4,58 và của cán bộ quản lý nhà nước là 3,8 /5. Cũng theo đánh giá của hai nhóm đối

Bảng 2: Điểm bình quân chung đánh giá tác động của các chính sách đến phát triển cây trồng dược liệu

(Điểm từ 1 đến 5, trong đó 5 là cao nhất)	Điểm bình quân chung	Trong đó	
		Mẫu M1	Mẫu M2
1. Tác động của chính sách thị trường tiêu thụ sản phẩm	4,19	4,58	3,8
2. Tác động của chính sách thuế	4,00	4,11	3,89
3. Tác động của chính sách ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ	3,84	3,98	3,69
4. Tác động của chính sách đào tạo nhân lực	3,84	3,91	3,76
5. Tác động của chính sách đất đai	3,82	4,07	3,56
6. Tác động của chính sách cung ứng nguyên vật liệu	3,82	4,03	3,6
7. Tác động của chính sách vay vốn ngân hàng	3,81	4,2	3,42
8. Tác động của chính sách phát triển cơ sở hạ tầng	3,74	4,07	3,4

Nguồn: Lê Quang Đức, 2015

tượng được điều tra cho thấy, chính sách phát triển cơ sở hạ tầng có tác động thấp nhất đến phát triển cây trồng dược liệu với điểm số đánh giá là 3,74/5.

Nhìn chung, đánh giá của người trồng dược liệu và cán bộ quản lý nhà nước về phát triển cây trồng dược liệu cho thấy sự đánh giá về tác động của chính sách là ở mức khá trở lên, thậm chí có chính sách còn đạt ở mức tốt, nhưng vẫn còn những hạn chế sau đây:

3.1. Về chính sách đất đai

Các tỉnh đã có những chính sách nhằm mục tiêu tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cũng như hộ gia đình trong việc tiếp cận đất đai trồng dược liệu như: cho phép các công ty tiến hành lập các dự án về trồng và sản xuất dược liệu, hỗ trợ các đơn vị trong công tác giải phóng mặt bằng... Tuy nhiên, tình trạng chậm trễ trong khâu giải phóng mặt bằng vẫn còn bức xúc. Thêm nữa, tình trạng trồng dược liệu manh mún và phân tán như hiện nay đang làm cho năng suất, chất lượng thấp, chi phí cây trồng cao. Điều đó vừa ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của cây trồng dược liệu, vừa ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của ngành công nghiệp chế biến dược liệu.

3.2. Về chính sách vay vốn ngân hàng

Các đơn vị và người dân thường khó tiếp cận nguồn vốn ngân hàng vì liên quan đến các điều kiện đảm bảo vay vốn, thời gian có thể thu hồi vốn của các dự án trồng dược liệu là tương đối dài, vì vậy việc hoàn trả vốn là tương đối khó khăn với các doanh nghiệp cũng như hộ gia đình.

3.3. Về chính sách ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ

Các hộ trồng dược liệu thường chưa được đào tạo bài bản về kỹ thuật, rất ít các đơn vị được đào tạo bài bản, chủ yếu việc tiếp cận khoa học công nghệ thông qua các lớp tập huấn ngắn hạn của các đơn vị quản lý nhà nước, số lượng người dân tham gia thường hạn chế, vì vậy khả năng ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng dược liệu còn chưa cao.

3.4. Về chính sách thị trường đầu vào và tiêu thụ sản phẩm

Chi phí đầu vào cho trồng dược liệu nhất là chi phí vận chuyển và các phụ phí liên quan thường khá cao, người dân thường vay đối ứng để có thể mua được các đầu vào hoặc sử dụng đầu vào của các doanh nghiệp tiêu thụ sau đó cam kết bán sản phẩm cho doanh nghiệp. Cùng với những khó khăn trong tiếp cận nguyên liệu đầu vào là những khó khăn hiện nay trong tiêu thụ sản phẩm. Theo ý kiến của các đơn vị trồng dược liệu khâu tiêu thụ sản phẩm hiện còn khá nhiều hạn chế, nhà nước cũng như doanh nghiệp chưa có những biện pháp giúp các hộ gia đình trồng dược liệu đảm bảo đầu ra. Ví dụ điển hình như đối với sản phẩm cây Đỗ trọng, thời gian trồng cây để có thể thu hoạch là tương đối dài, tuy nhiên khi đến thời điểm thu hoạch người dân không biết bán cho ai vì lúc này doanh nghiệp tiêu thụ không cần sản phẩm nữa, người dân phải tìm cách bán ở các chợ địa phương. Chính vì vậy, người dân không thực sự tập trung phát triển cây trồng dược

liệu, mặc dù nó có tính kinh tế tương đối cao so với các cây trồng khác nếu tiêu thụ được.

4. Một số khuyến nghị hoàn thiện chính sách phát triển trồng dược liệu những năm tới

Với người dân Việt Nam, việc nuôi trồng, thu hoạch dược liệu đã có từ hàng ngàn năm nay để phục vụ cho nhu cầu tự cung tự cấp, sản xuất hàng hóa vẫn còn manh mún, mang tính tự phát. Nền kinh tế mở cửa hội nhập với thế giới là cơ hội vàng để chúng ta xây dựng một nền công nghiệp dược liệu không chỉ phục vụ cho nhu cầu trong nước mà còn có thể xuất khẩu, thu ngoại tệ, mang lại lợi ích kinh tế. Thế nhưng cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có cơ chế chính sách đồng bộ và phù hợp để đẩy mạnh và khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực trồng, chế biến và bảo quản dược liệu trong nước.

Thêm vào đó, trên cơ sở định hướng từ những chính sách, quy định, quyết định, văn bản mà Chính phủ và Bộ Y tế ban hành liên quan như Bộ Y tế (2007), Thủ tướng Chính phủ (2011 và 2015) và Chính phủ (2013a, 2013b và 2015) chúng tôi đề xuất khuyến nghị hoàn thiện một số chính sách như sau:

Thứ nhất, về chính sách đất đai: Cần có những chính sách hỗ trợ cụ thể hơn nữa nhằm khuyến khích người dân trồng dược liệu như hỗ trợ người dân trong dồn điền đổi thửa để có điều kiện canh tác tốt hơn. Khi diện tích canh tác tập trung, việc canh tác của người dân thuận lợi hơn, chi phí phát sinh liên quan đến chăm sóc và trông nom được tối ưu hóa do không phải bố trí quá nhiều người cho cùng một vị trí công việc. Thêm vào đó, chính quyền địa phương cần hỗ trợ doanh nghiệp trong mặt bằng nuôi trồng dược liệu, cụ thể như hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình giải phóng mặt bằng, vận động người dân địa phương hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thuê mượn mặt bằng phục vụ cho sản xuất cũng như chế biến dược liệu...

Thứ hai, về chính sách vốn: Cần có sự kết hợp giữa ngân hàng chính sách với các ngân hàng thương mại có cơ chế cho vay đặc thù với các hộ gia đình/ doanh nghiệp trồng dược liệu, bởi vì, việc trồng dược liệu đòi hỏi thời gian thu hồi vốn tương đối dài, trong khi vốn đầu tư bỏ ra là tương đối lớn, có những cây dược liệu thời gian để có thể bắt đầu thu hoạch cho người trồng dược liệu khoảng 3 đến 5 năm hoặc dài hơn, nếu thời gian thu hồi vốn ngắn, lãi suất vốn vay cao thì sẽ gây ra những khó khăn

cho người dân cũng như các doanh nghiệp khi trồng dược liệu.

Thứ ba, về chính sách ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ: Cần tổ chức nhiều hơn nữa các khóa tập huấn kỹ thuật chuyển giao công nghệ cho các đơn vị trồng dược liệu, cử cán bộ có tâm và trình độ hỗ trợ trực tiếp về kỹ thuật cho người dân cũng như doanh nghiệp.

Việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất giống cây thuốc, chú trọng tới việc xây dựng tiêu chuẩn chất lượng giống cây thuốc đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn (giống cây trồng không đạt chuẩn, năng suất cây trồng còn thấp...). Các tổ chức nghiên cứu triển khai cần tăng cường hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăm sóc và chế biến sau thu hoạch; bảo tồn và phát triển nguồn gen cây thuốc chưa được đầu tư đúng mức. Việc ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong việc chế biến, bảo quản dược liệu và sản xuất thuốc Đông y, thuốc từ dược liệu cần được chú trọng đổi mới để có những sản phẩm thương mại. Có như thế mới nâng cao được năng suất và tính cạnh tranh các sản phẩm dược liệu của nước ta trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

Thứ tư, về chính sách thị trường đầu vào và tiêu thụ sản phẩm: Chủ động liên hệ tìm kiếm đầu vào và đầu ra cho các sản phẩm, có thể kết hợp quảng bá giới thiệu sản phẩm của địa phương tại các hội chợ thương mại, từ đó giúp các sản phẩm được chế biến từ cây dược liệu có thể đến tay người tiêu dùng dễ dàng hơn và thị trường tiêu thụ sản phẩm của hộ gia đình trồng dược liệu có thể mở rộng hơn. Đồng thời, đây cũng là một trong những kênh tương đối hiệu quả giúp người dân có thể tự chủ hơn về đầu ra cho sản phẩm của mình, tránh phụ thuộc vào một đơn vị thu mua sản phẩm cụ thể, khi đối tác không thu mua hoặc bất lợi trong giá thành sản phẩm thu mua thấp có thể tìm kiếm thị trường đầu ra khác dễ dàng và không ảnh hưởng quá nhiều đến thu nhập của người dân.

Thứ năm, tăng cường sự phối hợp bốn nhà trong phát triển cây trồng dược liệu. Để thực hiện các giải pháp trên đây, Nhà nước cần xây dựng hệ thống cơ chế để có sự bắt tay hiệu quả giữa “bốn nhà” trong ngành dược liệu. Đó là sự liên quan giữa người trồng dược liệu, các doanh nghiệp sản xuất thuốc hoặc kinh doanh dược liệu, nhà khoa học, các trường và viện nghiên cứu về dược liệu và thuốc và cơ quan quản lý dược liệu.

Theo chúng tôi cần thể chế hoá các chính sách của Nhà nước theo hướng đầu tư mạnh mẽ vào một chương trình quốc gia với các hành động cụ thể, đồng bộ. Cần có cơ quan chuyên trách chỉ đạo phối hợp các ngành, lĩnh vực: Y tế, Nông lâm nghiệp, Sinh học, Hoá dược và các tỉnh/thành phố; có chính sách cụ thể ưu đãi các doanh nghiệp, nhà khoa học và nông dân xây dựng các vùng nuôi, trồng, khai

thác dược liệu. Nhà nước địa phương cần chọn một số doanh nghiệp có năng lực để đầu tư mạnh mẽ, hỗ trợ, đảm bảo cho mô hình phối hợp “bốn nhà” được triển khai trong thực tế để xây dựng được các vùng sản xuất dược liệu, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, cung cấp dược liệu tốt và ổn định cho công nghiệp dược, y học cổ truyền và xuất khẩu. □

Tài liệu tham khảo

Bộ Y tế (2007), *Quyết định số 12/2007/QĐ-BYT*, ban hành ngày 24 tháng 01 năm 2007.

Chính phủ (2013a), *Nghị định 181/2013/NĐ-CP, Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật quảng cáo*, ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013.

Chính phủ (2013b), *Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*, ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2013.

Chính phủ (2015), *Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*, ban hành ngày 09 tháng 06 năm 2015.

Cục quản lý dược - Bộ Y tế (2013), *Báo cáo tổng kết phát triển dược liệu năm 2013 và phương hướng phát triển ngành dược liệu Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội.

Cục Y Dược cổ truyền - Bộ Y tế (2013), *Báo cáo tổng kết năm 2013*, Hà Nội.

Lê Quang Đức (2015), *Báo cáo xử lý kết quả điều tra khảo sát của luận án tiến sĩ ‘Vai trò nhà nước đối với phát triển cây trồng dược liệu ở một số tỉnh miền Bắc Việt Nam’*, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định Số 579/QĐ-TTg về “Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020”*, ban hành ngày 19 tháng 04 năm 2011.

Thủ tướng Chính phủ (2015), *Công văn số 287/TTg-KTN, phê duyệt Dự án phát triển cây dược liệu gắn với xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tại 6 huyện nghèo 30a tỉnh Hà Giang*, ban hành 27 tháng 2 năm 2015.